TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HS-ST
Ngày: 09-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Bùi Tấn Dũng.
Bà Ngô Thị Lệ Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hữu Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 62/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Ngọc T, sinh ngày 24/02/2006, tại Tiền Giang; Nơi cư trú: Ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Chỗ ở hiện tại: Ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B và bà Cao Thị Kim C; chung sống như vợ chồng với người khác và có 01 con; tiền sự: không; tiền án: không; Tạm giữ, tạm giam: Không; có mặt.

- *Bị hại*: Võ Văn L, sinh ngày 01/01/1996; nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Nguyễn Thị S, sinh ngày 01/01/1940; nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

- *Người làm chứng*: Đặng Thị Mỹ T1, Trần Văn B; có mặt. Tống Văn T2, Tống Văn L1, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Thanh V, Trần Văn B; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 10 phút ngày 05/7/2024, Trần Ngọc T điều khiển xe mô tô chở Đặng Thị Mỹ T1 về đến nhà thuộc ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Lúc này, Võ Văn L (hàng xóm) đến nói với T: "*Mầy là thằng nào mà xăm mình chạy xe nẹt bô thấy ghét vậy?*". T trả lời: "*Tao là ông nội mầy nè, rồi sao, mầy muốn gì?*". Cả 02 xảy ra cự cãi, T dùng vỏ chai nước ngọt thủy tinh ném Lưu không trúng. Lưu nhặt vỏ chai ném lại T, không trúng. Bà Nguyễn Thị S (bà nội của L) can ngăn. Sau đó, L vào nhà lấy con dao dài 21,5cm, cán bằng nhựa màu vàng (loại dao gọt trái cây) để trên bàn thờ, chạy ra thách thức. T nghe vậy chạy vào bếp lấy con dao dài 47cm, cán bằng gỗ màu vàng, chạy ra chém trúng cẳng tay trái và cổ tay phải của L. L cầm dao đâm, nhưng T dùng tay trái chụp tay phải (tay cầm dao) của L, nên Lưu không đâm được, còn tay trái L cầm lưỡi dao của T, T rút con dao lại gây thương tích gan (lòng) bàn tay. T tiếp tục cầm dao chém trúng hông phải của L gây thương tích. Mọi người căn ngăn, T cầm con dao lên xe điều khiển bỏ chạy, còn L được mọi người đưa đi cấp cứu, rồi đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh A điều trị, đến ngày 22 tháng 7 năm 2024 xuất viện. Ngày 30 tháng 7 năm 2024, L có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với Trần Ngọc T.

Vật chứng :

- 01 (một) con dao dài 47cm, cán bằng gỗ màu vàng dài 13,5cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 33,5cm, rộng nhất 6,5cm, hẹp nhất 03cm, đầu nhọn, do bị cáo T giao nộp là vật tương tự bị cáo dùng gây thương tích.

- 01 (một) con dao dài 21,5cm, cán bằng nhựa màu vàng dài 10cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 11, 5cm và rộng 02cm, đầu nhọn, Võ Văn L dùng để đánh nhau với bị cáo T.

- 01 (một) chai thủy tinh có chiều cao 23,5cm, có chữ STRONGBOW, có hoành lớn nhất 18cm và nơi nhỏ nhất 08cm; 01 (một) chai thủy tinh có chiều cao 23cm, có hoành lớn nhất 20cm và nơi nhỏ nhất có hoành 8,5cm, bị cáo T và bị hại L dùng để ném nhau.

- Đối với con dao dài khoảng 50cm, cán bằng gỗ màu vàng dài khoảng 10cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 40cm, rộng lưỡi 05cm, đầu nhọn, bị cáo T dùng để gây thương tích cho bị hại L, trên đường bỏ chạy bị cáo ném bỏ. Cơ quan Công an đã truy tìm, không tìm được.

* Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 435/KLTTCT-TTPYĐT, ngày 09/8/2024, của Trung tâm pháp y tỉnh Đ, kết luận: tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Võ Văn L tại thời điểm giám định là 57%. Kết luận khác: Vết mổ do quá trình điều trị. Các tổn thương do vật sắc gây ra. Vết thương phần mềm mặt gan bàn tay trái chiều hướng tác động từ trái sang phải. Tổn thương mặt trước 1/3 dưới cẳng tay trái, mặt sau ngoài cổ tay phải, mạn sườn phải chiều hướng

tác động từ phải sang trái. Cơ chế hình thành các tổn thương do ngoại lực tác động.

- Trách nhiệm dân sự: Biên bản thỏa thuận ngày 17/8/2024, bị hại L yêu cầu bị cáo T bồi thường tổn thất tinh thần, tiền công lao động, tổng số tiền 138.000.000 đồng. Bị cáo T không thống nhất, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Riêng khoản chi phí điều trị thương tích, chi phí tàu xe giữa bị cáo và bị hại đã thống nhất, trong quá trình điều trị, bị cáo T đã chi trả số tiền 29.850.000 đồng.

Tại Cáo trạng truy tố số 65/CT-VKSHN ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị: Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS), xử phạt bị cáo Trần Ngọc T từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù về "Tội cố ý gây thương tích". Vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao, 02 vỏ chai nước ngọt; trả lại cho bị cáo 01 con dao. Về dân sự: Giữa bị hại và bị cáo, không thống nhất về mất thu nhập, tổn thất tinh thần. Căn cứ các Điều 585, 590 Bộ luật Dân sự đề nghị chấp nhận 01 phần yêu cầu mất thu nhập của bị hại 300.000 đồng/01 ngày x 60 ngày là 18.000.000 đồng. Về tổn thất tinh thần đề nghị xét xử theo quy định pháp luật.

Bị cáo T bào chữa, tranh luận và nói lời sau cùng: Trước đây, bị cáo muốn thỏa thuận với bị hại nhưng bị hại không thống nhất. Hiện nay, mẹ của bị cáo bị bệnh nên bị cáo không có khả năng và không thống nhất bồi thường thiệt hại. Mong giảm án cho bị cáo để về làm lại cuộc đời, nuôi vợ, con, cha, mẹ. Bị hại là người kiếm chuyện trước.

Bị hại L tranh luận: Hiện nay tay vẫn chưa cử động được như bình thường, yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại tổn thất tinh thần 30.000.000 đồng, mất thu nhập 100.000.000 đồng, tổng cộng 130.000.000 đồng. Không đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, chứng minh được:

[3] Bị cáo T là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có hành vi cố ý trực tiếp dùng dao, là hung khí nguy hiểm, đánh bị hại L gây ra tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 57%, đã đủ căn cứ kết luận bị cáo Trần Ngọc T phạm "Tội cố ý gây thương tích" theo điểm c khoản 3 Điều 134 của BLHS. Như vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. "Tội cố ý gây thương tích" được quy định tại Điều 134 của BLHS, như sau:

"1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng ... hung khí nguy hiểm…

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

...c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31 % đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này…"

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Sức khỏe, tính mạng là vốn quý báu của con người, vì nó trực tiếp làm ra của cải vật chất cho gia đình và xã hội, mọi hành vi xâm hại đến sức khỏe, tính mạng đều phải bị pháp luật xử phạt một cách thích đáng, có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Bị cáo nhận thức được hành vi cố ý gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện, trực tiếp xâm phạm, gây tổn thương cơ thể của người khác được pháp luật bảo vệ. Cụ thể, bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe của bị hại L, trong khi sự việc không có mâu thuẫn gì lớn, nhưng vì bản tính nóng nảy, hung hăng, thích hành xử với người khác bằng bạo lực nên dẫn đến vi phạm pháp luật. Hành vi của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự bất chấp, xem thường pháp luật, nên phải xử phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Xét tính chất, mức độ, ý thức và hậu quả của tội phạm, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có điều kiện răn đe, giáo dục giúp bị cáo trở thành người tốt có ích cho xã hội và phòng ngừa chung cho những ai có tư tưởng như bị cáo.

[5] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Nhân thân chưa từng có tiền án, tiền sự.

[6] Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ: Đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại để khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS; bị cáo là người lao động làm thuê, tuổi đời còn trẻ, mới hơn 18 tuổi, trình độ học vấn thấp nên việc hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, bị hại cũng có một phần lỗi, nên xem là tình tiết giảm nhẹ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Do đó, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại trình bày đến nay tay vẫn chưa cử động bình thường được, chưa cung cấp chứng cứ chứng minh. Thấy rằng, bị hại là người có lỗi trước, là nguyên nhân phát sinh vụ án, nên phải chịu một phần thiệt hại, Viện kiểm sát đề nghị số tiền mất thu nhập 18.000.000 đồng là phù hợp, nên chấp nhận. Về tổn thất tinh thần Hội đồng xét xử cân nhắc số tiền tương xứng, phù hợp là 14.000.000 đồng. Như vậy, tổng cộng buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại là 32.000.000 đồng.

[7] Về vật chứng: Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự theo quy định.

[9] Kiến nghị về sai sót không ảnh hưởng đến nội dung vụ án nhưng cần phải khắc phục trong thời gian tới: Bị cáo T sinh ngày 24/02/2006, đến ngày phạm tội mới 18 tuổi 4 tháng 11 ngày, đến ngày xét xử là 18 tuổi 10 tháng 15 ngày, hồ sơ vụ án không thể hiện bị cáo có đăng ký kết hôn, nhưng Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát xác định bị cáo có vợ Đặng Thị Mỹ T1 là trái quy định của luật, vì: Đây là trường hợp tảo hôn, bị nghiêm cấm theo quy định tại khoản 8 Điều 3, điểm b khoản 2 Điều 5 và điểm a khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình (N từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên mới đủ điều kiện về tuổi kết hôn). Do đó, Tòa án đã xác định lại phần nhân thân của bị cáo là chung sống như vợ chồng với người khác cho đúng. Đề nghị Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát xác định đúng trong thời gian tới, đồng thời xem xét xử lý hành vi tổ chức tảo hôn của các bên liên quan (nếu có) theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 134, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố: Bị cáo Trần Ngọc T phạm "Tội cố ý gây thương tích".

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

2. Căn cứ các khoản 1, 2 và 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý vật chứng:

2.1. Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao dài 21,5cm, cán bằng nhựa màu vàng dài 10cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 11,5cm và rộng 02cm, đầu nhọn; 01 (một) chai thủy tinh có chiều cao 23,5cm, có chữ STRONGBOW, có hoành nơi lớn nhất 18cm và nơi nhỏ nhất 08cm; 01 (một) chai thủy tinh có chiều cao 23cm, có hoành nơi lớn nhất 20cm và nơi nhỏ nhất có hoành 8,5cm.

2.2. Trả lại cho bị cáo Trần Ngọc T 01 (một) con dao dài 47cm, cán bằng gỗ màu vàng dài 13,5cm có hoành nơi lớn nhất 10cm và nhỏ nhất 08cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 33,5cm, lưỡi dao nơi rộng nhất 6,5cm và nơi hẹp nhất 03cm, đầu dao nhọn.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý vật chứng theo Biên bản giao, nhận ngày 21 tháng 11 năm 2024.

3. Về trách nhiệm dân sự, căn cứ vào Điều 30 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 590 Bộ luật Dân sự:

3.1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bị hại: Buộc bị cáo Trần Ngọc T có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm cho bị hại Võ Văn L các khoản mất thu nhập và tổn thất tinh thần, tổng số tiền 32.000.000 (Ba mươi hai triệu) đồng.

3.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3.3. Quyết định bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tổn thất về tinh thần được thi hành ngay, mặc dù có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí, căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Trần Ngọc T chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng 1.800.000 (Một triệu tám trăm nghìn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/01/2025).

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo, bị hại (nếu có);
- Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương nơi giám sát, giáo dục người được hưởng án treo (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Nông Phú